TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 12/2021/QĐST-VDS	*Tam Nông, ngày 26 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Dương Thị Như Ý - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên họp:

Ông Lê Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc: "Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2021/QĐST-VDS, ngày 09 tháng 4 năm 2021 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: chị Võ Thị Mỹ D, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu: anh Nguyễn Khắc H, sinh năm: 1990.

HKTT: ấp W, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ cư trú: Khóm W, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến giải quyết việc dân sự: anh Trần Thanh T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh H có mặt tại phiên họp, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn đơn yêu cầu cũng như tại phiên họp, người yêu cầu và người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu trình bày:

Chị D và anh T tiến hành sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 09/9/2009. Đến năm 2017 thì giữa chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn, chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở Vĩnh Long sinh sống. Đến năm 2019 chị D muốn làm thủ tục ly hôn với anh T nhưng từ năm 2019 đến nay anh T đã bỏ địa phương không rõ đi đâu, không rõ tung tích, không liên lạc được, chị D có đến gia đình anh T để tìm kiếm nhưng gia đình anh T không còn ai sinh sống ở địa phương.

Nay chị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Nông ra Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Trần Thanh T để chị D bổ sung hồ sơ xin ly hôn của mình. Trong thời gian chung sống chị D và anh T không có tài sản chung nên chị D không yêu cầu quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết của Thẩm phán chủ tọa phiên họp và Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhận xét việc yêu cầu của chị D yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh T là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật nên đề nghị Chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu. Về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú theo Điều 65 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do chị D không có yêu cầu nên không đề nghị Chủ tọa phiên họp xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T có nơi cư trú cuối cùng tại ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị D yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh T nên xác định yêu cầu về dân sự: *"Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú"* được quy định tại khoản 2 Điều 27 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu:

- Theo lời trình bày của chị D trong đơn yêu cầu và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của chị D là anh Nguyễn Khắc H tại phiên họp thì Chị D và anh T tiến hành sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 09/9/2009. Đến năm 2017 thì chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn, năm 2019 chị D muốn làm thủ tục ly hôn với anh T nhưng từ năm 2019 đến nay anh T đã bỏ địa phương đi không rõ đi đâu, không rõ tung tích, không liên lạc được. Nên nay chị D yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh T.

- Theo xác nhận của Công an xã P ngày 23/12/2020 xác nhận anh Trần Thanh T đã bỏ địa phương đi từ năm 2019, không trình báo.

- Theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông kết quả xác minh Trần Thanh T, sinh năm 1986 có đăng ký thường trú tại ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đương sự đã bỏ địa phương đi từ năm 2019, không trình báo.

Từ những cơ sở trên đã đủ căn cứ chứng minh anh T đã biệt tích 6 tháng liền trở lên nên chấp nhận yêu cầu của chị D về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 64 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 64 Bộ luật dân sự quy định: *"Khi một người biệt tích 06 tháng liền trở lên thì những người có quyền, lợi ích liên quan có quyền yêu cầu Tòa án Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật…"*.

[3] Về quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do chị D không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét thấy phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Trần Thanh Trường do chị Võ Thị Mỹ D chịu.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Võ Thị Mỹ D phải chịu tiền lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ;

- Khoản 2 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, 370, 371, 372, 383, 384, 385 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 64 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mỹ D về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú với anh Trần Thanh T, sinh năm 1986, địa chỉ: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Trần Thanh T sẽ được đăng, phát trên các phương tiện thông tin đại chúng và Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 385 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do chị Võ Thị Mỹ D chịu.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Võ Thị Mỹ D phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí (do anh Nguyễn Khắc H nộp thay) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: BI/2019 0010086, ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định hoặc kể từ ngày ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tam Nông;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Dương Thị Như Ý

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……./QĐST-……[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v[3]……..

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: [4] Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[5] .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp: Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại[6] .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc[7] …….theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-…… ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân ……nhận định:[18]

[1] .....

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....

.....

- [20].....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP [24]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại……. là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"